

Số: 43/2019/QĐST-HNGĐ

K, ngày 12 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Trần Bảo N – sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn Đ – sinh năm 1997

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Trần Bảo N và anh Đinh Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Trần Bảo N và anh Đinh Văn Đ chung sống với nhau và được Ủy Ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/10/2017. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự

thuận tình ly hôn của anh, chị.

- Về con chung: Chị N, anh Đ có 01 người con chung là Đinh Ngọc A – sinh ngày 06/3/2015. Anh, chị thỏa thuận giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của các đương sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa. Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí, số tiền án phí 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0007781 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang. Chị N được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho